

ÔN TẬP GIỮA HKI

Phần Số học

Câu 1. Đây là cách viết tập hợp số tự nhiên?

A. $\mathbb{N} = 0; 1; 2; 3; \dots$

B. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$

C. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3\}$

D. $\mathbb{N} = \{0; 1; 2; 3; \dots\}$

Câu 2. Tập hợp các chữ cái có trong từ “VUI HỌC” là

A. $\{V; U; I; H; O\}$

B. $\{V; U; I; H; O; C\}$

C. $\{V; U; I\}$

D. $\{H; O; C\}$

Câu 3. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai?

A. $0 \notin \mathbb{N}^*$

B. $0 \in \mathbb{N}$

C. $20 \notin \mathbb{N}$

D. $23 \in \mathbb{N}^*$

Câu 4. Tập hợp E các số tự nhiên lớn hơn 7 và nhỏ hơn 12 là

A. $E = \{7; 8; 9; 10; 11; 12\}$

B. $E = \{8; 9; 10; 11; 12\}$

C. $E = \{8; 9; 10; 11\}$

D. $E = \{7; 8; 9; 10; 11\}$

Câu 5. Cho tập hợp $M = \{x \in \mathbb{N}^* | x \leq 4\}$. Khẳng định nào sai?

A. $0 \notin M$

B. $4 \notin M$

C. $M = \{x \in \mathbb{N} | 0 < x \leq 4\}$

D. $M = \{1; 2; 3; 4\}$

Câu 6. Số phần tử của $B = \{1; 3; 5; 7; \dots; 203\}$ là

A. 100

B. 101

C. 102

D. 103

Câu 7. Thứ tự thực hiện phép tính nào sau đây là đúng đối với biểu thức không có dấu ngoặc?

A. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa

B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ

C. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ

D. Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Lũy thừa

Câu 8. Kết quả của phép tính $547.63 + 547.37$ là

A. 54 700

B. 5 470

C. 45 700

D. 54 733

Câu 9. Số tự nhiên x thỏa mãn $71 - (33 - x) = 46$ là

A. 8

B. 7

C. 6

D. 5

Câu 10. Số tự nhiên x thỏa mãn $140 : (x - 8) = 7$ là

A. 28

B. 12

C. 11

D. 26

Câu 11. Số vừa chia hết cho 2 và 3 là

A. 2019

B. 2020

C. 2021

D. 2022

Câu 12. Chữ số a thích hợp để $\overline{25a}$ chia hết cho cả 3 và 5 là:

A. $a = 0$

B. $a = 2$

C. $a = 5$

D. $a = 8$

Câu 13. Tập hợp nào sau đây gồm các số nguyên tố:

A. $\{2; 3; 5; 7; 9\}$

B. $\{1; 3; 5; 7\}$

C. $\{2; 3; 5; 7\}$

D. $\{11; 13; 15; 17; 19\}$

Câu 14. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Số 1 là số nguyên tố nhỏ nhất.

B. Số 0 không phải là số nguyên tố không phải là hợp số.

C. Có 5 số nguyên tố nhỏ hơn 10.

D. Mọi số chẵn đều là hợp số vì mọi số chẵn đều chia hết cho 2.

Câu 15. Cách phân tích 20 thành thừa số nguyên tố là

A. $20 = 2 \cdot 10$

B. $20 = 4 \cdot 5$

C. $20 = 40 : 2$

D. $20 = 2^2 \cdot 5$

Phần Hình học

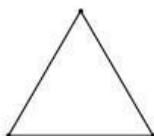
Câu 1. Chọn phát biểu **đúng**.

- A. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.
- B. Hình vuông là tứ giác có bốn góc bằng nhau.
- C. Hình vuông là tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.
- D. Hình vuông là tứ giác có hai cạnh kề bằng nhau.

Câu 2. Chọn khẳng định **đúng**. Trong hình chữ nhật

- A. Bốn góc bằng nhau và bằng 60° .
- B. Hai đường chéo không bằng nhau.
- C. Bốn góc bằng nhau và bằng 90° .
- D. Hai đường chéo song song với nhau.

Câu 3. Trong các hình dưới đây, tam giác đều là:



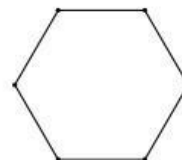
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

- A. Hình 1.
- B. Hình 2.
- C. Hình 3.
- D. Hình 4.

Câu 4. Hình vuông có độ dài hai đường chéo

- A. song song.
- B. bằng nhau.
- C. vuông góc.
- D. đối nhau.

Câu 5. Tam giác đều ABC có:

- A. $AB = BA = AC$.
- B. $AB = BC = CA$.
- C. $AB = BC = CB$.
- D. $AB = AC = CA$.

Câu 6. Hình vuông $ABCD$ có cạnh $AB = 4$ cm. Độ dài cạnh CD là:

- A. $CD = 2$ cm.
- B. $CD = 4$ cm.
- C. $CD = 3$ cm.
- D. $CD = 5$ cm.

Câu 7. Cho hình tam giác đều có chu vi là 15 cm. Độ dài cạnh tam giác đều là:

- A. 5 cm.
- B. 15 cm.
- C. 10 cm.
- D. 8 cm.

Câu 8. Một tấm thảm hình vuông có cạnh 25 m. Chu vi của tấm thảm ấy là:

- A. 1 m.
- B. 10 m.
- C. 100 m.
- D. 5 m.

Câu 9. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 8 m, chiều rộng 2 m. Chu vi của mảnh đất là:

- A. 10 m.
- B. 20 m.
- C. 5 m.
- D. 16 m.

Câu 10. Cho hình thoi có độ dài hai đường chéo là m và n . Diện tích hình thoi là:

- A. $S = m.n$.
- B. $S = \frac{1}{2}.m.n$.
- C. $S = m + n$.
- D. $S = 4.m$.

Câu 11. Cho hình thoi có độ dài cạnh là a . Chu vi của hình thoi là:

- A. $C = a.b$.
- B. $C = (a + b).2$.
- C. $C = 2.a$.
- D. $C = 4.a$.

Câu 12. Một con diều hình thoi có độ dài cạnh $a = 20$ cm. Chu vi con diều hình thoi là:

- A. 20 cm.
- B. 80 cm.
- C. 40 cm.
- D. 60 cm.

Câu 13. Chiếc gương dạng hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 5 dm và 4 dm, hỏi diện tích của chiếc gương là:

- A. 10 dm^2 .
- B. 40 dm^2 .
- C. 20 dm^2 .
- D. 18 dm^2 .

Câu 14. Cho hình vuông có chu vi 28 cm. Độ dài cạnh hình vuông là:

- A. 4 cm.
- B. 7 cm.
- C. 14 cm.
- D. 8 cm.

Câu 15. Cho hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 4 dm và 12 dm. Diện tích hình thoi là:

A. 48 dm^2 .

B. 24 dm^2 .

C. 12 dm^2 .

D. 36 dm^2 .